

# Bàn về Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính doanh nghiệp Việt Nam

Phạm Đức Bình\*

*Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) của doanh nghiệp là nguồn thông tin quan trọng về việc đánh giá khái quát tình hình tài chính, trình độ sử dụng vốn và những triển vọng kinh tế tài chính của doanh nghiệp, cần thiết cho việc ra các quyết định kinh tế từ phía những người sử dụng báo cáo tài chính. Vì vậy để có thể đánh giá đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp, đòi hỏi hệ thống các chỉ tiêu trong BCĐKT phải được thể hiện một cách tổng quát, đầy đủ và đúng đắn. Hệ thống các chỉ tiêu trên BCĐKT do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán quốc tế (Bộ Tài chính, 2006). Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa thật sự phù hợp. Do vậy, bài viết hệ thống những nội dung cơ bản của BCĐKT theo chuẩn mực kế toán quốc tế, Hoa Kỳ, Tây Âu và Việt Nam qua đó đánh giá những vấn đề chưa thật sự phù hợp trong BCĐKT của Việt Nam và đề xuất hướng hoàn thiện BCĐKT theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.*

**Từ khóa:** Bảng cân đối kế toán; Báo cáo tài chính; Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Trong công tác quản lý kinh tế của các doanh nghiệp thì công tác kế toán luôn được các doanh nghiệp quan tâm vì chúng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường trước sự cạnh tranh gay gắt, không những các doanh nghiệp phải tăng cường đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động mà còn phải quan tâm đến công tác quản lý tài sản và nguồn vốn của mình, để từ đó tính toán các hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả. Để làm được điều đó các nhà quản lý doanh nghiệp phải thường xuyên nắm bắt các thông tin về thị trường và các thông tin kế toán. Báo cáo tài chính nói chung và BCĐKT nói riêng là nguồn thông tin quan trọng và cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp. Chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hiện hành được sự chấp nhận của nhiều tổ chức quốc tế, nhiều khu vực và nhiều quốc gia trên thế giới. Mặc dù BCĐKT ở một số nước cụ thể có nhiều điểm giống nhau song chúng vẫn còn khác nhau do nhiều nguyên nhân như do hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, luật pháp và môi trường kinh doanh hoặc do yêu cầu của người sử dụng thông tin kế toán tài chính. Từ những sự khác nhau đó dẫn đến việc sử dụng các khái niệm của các yếu tố trên BCĐKT ở mỗi quốc gia cũng rất đa dạng, chính điều này đã dẫn đến việc sử dụng những chuẩn mực khác nhau để hạch toán các khoản mục trên BCĐKT và việc trình bày BCĐKT ở mỗi quốc gia cũng khác nhau.

## 2. Khái quát về bảng cân đối kế toán

### 2.1. Theo chuẩn mực kế toán quốc tế số 1- Trình bày báo cáo tài chính (IAS 1)

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế số 1- Trình bày báo cáo tài chính (IAS 1) không mô tả định dạng của bảng cân đối kế toán, không bắt buộc bảng cân đối kết toán phải theo một biểu mẫu cố định (IAS 1 gọi là Báo cáo về tình hình tài chính) cho phép doanh nghiệp có thể trình bày Báo cáo tình hình tài chính theo một trong hai phương án: (i) phương án sắp xếp tài sản theo tính thanh khoản và công nợ theo mức độ khẩn trương của việc thanh toán; hoặc (ii) phương án sắp xếp tài sản và công nợ theo trình tự ngược lại (IAS1- đoạn 15-24, Trình bày hợp lý và phù hợp với IFRS). Trong đó, tài sản ngắn hạn là những tài sản có thời gian luân chuyển trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh như: những tài sản nắm giữ cho mục đích thương mại, hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản trả trước, các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền. Những tài sản còn lại ngoài những khoản trên, có thời gian thu hồi trên một năm hoặc ngoài một chu kỳ kinh doanh được coi là tài sản dài hạn như: đất đai, nhà xưởng, thiết bị, tài sản vô hình, đầu tư dài hạn, các khoản phải thu dài hạn, các khoản thuế chờ phân bổ (IAS1-đoạn 66-68). Tương tự, các khoản nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà thời hạn thanh toán trong một chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp hoặc kỳ hạn thanh toán trong vòng 12 tháng như: vay ngắn hạn, các

khoản nợ thương mại và nợ ngắn hạn khác, các khoản thuế phải trả và các khoản dự phòng ngắn hạn. Những khoản công nợ khác có thời gian thu hồi ngoài một năm hay ngoài một chu kỳ kinh doanh được coi là nợ dài hạn như: các khoản vay dài hạn, các khoản thuế hoãn lại phải trả, thu nhập hoãn lại phải phân phối, dự phòng dài hạn (IAS1-đoạn 69-76).

Chuẩn mực kế toán quốc tế số 1 chỉ rõ các khoản mục tối thiểu sau đây phải trình bày trong Báo cáo về tình hình tài chính (IAS 1-đoạn 54):

- Đất đai, nhà cửa, máy móc thiết bị
- Tài sản cố định vô hình
- Tài sản tài chính
- Các khoản đầu tư tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu
- Hàng tồn kho
- Các khoản phải thu
- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn
- Các khoản dự phòng
- Các khoản nợ dài hạn
- Các khoản nợ chịu lãi phải thanh toán
- Vốn và các khoản dự trữ
- Các khoản mục cần thiết khác phù hợp với chuẩn mực kế toán nào đó

Đối với vốn cổ phần và số vốn dự trữ, các yếu tố sau đây phải được trình bày (IAS 1-đoạn 79, Thông tin được trình bày trong báo cáo kết quả tình hình tài chính):

- Số lượng cổ phiếu phát hành và thanh toán đầy đủ và ban hành nhưng không đầy đủ thanh toán.
- Mệnh giá của cổ phiếu
- Số cổ phiếu phát hành đầu năm và cuối năm
- Mô tả các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông
- Số trái phiếu chính phủ, bao gồm cả số mà các công ty con và các công ty liên kết đang nắm giữ
- Cổ phiếu dự trữ cho các mục đích khác nhau và hợp đồng mua bán của cổ phiếu, bao gồm các điều khoản và số tiền này
- Một sự mô tả bản chất và mục tiêu của các khoản dự trữ theo các nguồn vốn chủ sở hữu
- Cổ tức dự kiến và cổ tức thực hiện đã được duyệt
- Cổ tức chưa phân chia

## 2.2. Theo chế độ kế toán Hoa Kỳ

Bảng cân đối kế toán còn được gọi là báo cáo về tình hình tài chính, là báo cáo tóm tắt tình hình tài

chính của doanh nghiệp tại một thời điểm cụ thể. Bảng có kết cấu hai bên hay một bên (Nguyễn Minh Phương và Nguyễn Thị Đông, 2007) và bao gồm các khoản mục sau:

- *Tài sản*: khoản mục này phản ánh số tài sản mà doanh nghiệp đang nắm giữ, quản lý và sử dụng với mục tiêu thu được các lợi ích trong tương lai. Về mặt kinh tế thông qua khoản mục này, kế toán thấy được một cách tổng quát về tiềm lực kinh tế của doanh nghiệp.

- *Nợ phải trả*: khoản mục cho thấy được tổng số nợ mà doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán trong đó chi tiết số nợ ngắn hạn cũng như dài hạn. Phần công nợ phải trả phản ánh trách nhiệm của doanh nghiệp với Nhà nước, với ngân hàng, với khách hàng, với người lao động ...

- *Vốn chủ sở hữu*: khoản mục này phản ánh được số vốn chủ sở hữu mà doanh nghiệp hiện có vào thời điểm lập báo cáo về tình hình tài chính. Số liệu dùng để lập chỉ tiêu này là căn cứ vào số vốn chủ sở hữu đầu kỳ, số vốn đầu tư thêm hoặc rút bớt trong kỳ và số lợi nhuận thuần của doanh nghiệp có được sau một thời gian kinh doanh.

## 2.3. Theo chế độ kế toán Tây Âu

Bảng cân đối kế toán được gọi là Bảng tổng kết tài sản. Theo quan điểm của các nước Tây Âu, Bảng tổng kết tài sản là báo cáo kế toán quan trọng, là một tài liệu tổng hợp các thông tin được tập trung vào một ngày xác định (ngày xác định là ngày cuối cùng của kỳ báo cáo). Bảng tổng kết tài sản được chia thành 2 phần, phần bên trái phản ánh tài sản, phần bên phải phản ánh nguồn hình thành của tài sản hay nguồn tài trợ (Nguyễn Minh Phương và Nguyễn Thị Đông, 2007). Cụ thể:

- *Tài sản*: gồm bất động sản và tài sản lưu động, những tài sản này thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

- *Nguồn tài trợ*: gồm vốn thuộc sở hữu của đơn vị và các khoản nợ mà đơn vị phải trả.

- Các cân đối của Bảng tổng kết tài sản:

Tổng tài sản của doanh nghiệp (Giá trị thuần) = Tổng nguồn tài trợ

Vốn riêng của doanh nghiệp = Tổng tài sản của doanh nghiệp (Giá trị thuần) - Các khoản nợ phải trả

## 2.4. Theo chế độ kế toán của Việt Nam

Bảng cân đối kế toán doanh nghiệp Việt Nam được chia làm hai phần (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, mẫu số B01-DN), gồm:

- Phần *Tài sản* phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện

có của doanh nghiệp đến cuối kỳ hạch toán đang tồn tại dưới các hình thái và trong tất cả các giai đoạn, các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh.

- Phần *Nguồn vốn* phản ánh nguồn hình thành các loại tài sản của doanh nghiệp theo từng nguồn hình thành tài sản của đơn vị, nguồn vốn đi vay,... Tỷ lệ và kết cấu của từng nguồn vốn trong tổng số nguồn vốn hiện có phản ánh tính chất hoạt động và thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Bảng cân đối kế toán có những đặc điểm chính sau đây:

- Các chỉ tiêu được phản ánh dưới hình thái giá trị nên nó cho phép tổng hợp, đánh giá toàn bộ tài sản.

- Bảng cân đối kế toán bao gồm 2 phần là tài sản và nguồn vốn; tổng tài sản và nguồn vốn luôn luôn bằng nhau.

- Các đẳng thức của bảng cân đối kế toán:

Tổng số tài sản = Tổng số nguồn vốn

Tổng số tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu

Tài sản ngắn hạn + Tài sản dài hạn = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu.

- Phần tài sản được phân chia thành:

A: Tài sản ngắn hạn

B: Tài sản dài hạn

- Phần nguồn vốn được phân chia thành:

A: Nợ phải trả

B: Vốn chủ sở hữu

Nội dung của BCĐKT thể hiện thông qua hệ thống các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản. Các chỉ tiêu được phân loại, sắp xếp thành từng loại, từng mục, từng chỉ tiêu cụ thể. Các chỉ tiêu được mã hoá để thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu cũng như xử lý trên máy vi tính và được phản ánh theo số đầu năm, số cuối kỳ.

### 3. Một số nhận định đánh giá về bảng cân đối kế toán doanh nghiệp ở Việt Nam

BCĐKT có vai trò hết sức quan trọng đối các doanh nghiệp, không những phản ánh vừa khái quát vừa chi tiết tình trạng tài sản và vốn của doanh nghiệp mà còn là minh chứng thuyết phục cho một dự án vay vốn của doanh nghiệp, và đồng thời cũng là căn cứ đáng tin cậy để các đối tác xem xét khi muốn hợp tác với doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ kinh tế ở doanh nghiệp rất đa dạng và phong phú và chúng ảnh hưởng đến BCĐKT trong 3 trường hợp:

- Các nghiệp vụ kinh tế chỉ ảnh hưởng đến các loại tài sản: làm loại tài sản này tăng thêm đồng thời làm loại tài sản khác giảm bớt tương ứng.

- Các nghiệp vụ kinh tế chỉ ảnh hưởng đến các loại nguồn vốn: làm loại nguồn vốn này tăng thêm đồng thời làm loại nguồn vốn khác giảm bớt tương ứng.

- Các nghiệp vụ kinh tế ảnh hưởng đến cả tài sản và nguồn vốn: làm tài sản tăng thêm (giảm bớt) đồng thời làm nguồn vốn tăng (giảm) tương ứng.

BCĐKT được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, mẫu số B01-DN, cơ bản đã hoàn thiện và phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường Việt Nam với tính đa dạng về loại hình hoạt động, mô hình tổ chức, sở hữu vốn, từng bước hòa nhập với thông lệ quốc tế về chế độ kế toán. Tuy nhiên trong BCĐKT được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

*Thứ nhất*, Trong phần tài sản-Mục các khoản phải thu, chưa thể hiện phần phải thu do gọi vốn góp của cổ đông chưa đóng góp, vì khi thị trường chứng khoán phát triển tất yếu sẽ phát sinh việc gọi vốn thông qua hợp đồng đặt mua cổ phiếu, điều này cũng phù hợp với thông lệ quốc tế (IAS1-đoạn 79): Cổ phiếu dự trữ cho các mục đích khác nhau và hợp đồng mua bán của cổ phiếu, bao gồm các điều khoản và số tiền này.

Khi hợp đồng được ký kết, phát sinh một khoản nợ phải thu trong tương lai. Do vậy chỉ tiêu khoản phải thu vốn gọi chưa góp của cổ đông cần phải được phản ánh riêng biệt và được bổ sung ở phần Tài sản-Loại A và B-Mục Các khoản phải thu (bao gồm phải thu vốn gọi chưa góp của cổ đông dài hạn và phải thu vốn gọi chưa góp của cổ đông ngắn hạn). Chỉ tiêu này nhằm phản ánh lượng tài sản đơn vị nhận được trong tương lai khi các cổ đông góp vốn theo thời điểm quy định trong hợp đồng đặt mua cổ phiếu.

*Thứ hai*, trong công ty cổ phần, khi công ty có nhu cầu huy động vốn nhưng không muốn thay đổi cơ cấu chủ sở hữu, công ty sẽ phát hành trái phiếu, điều này đã được phản ánh trong chỉ tiêu vay và nợ dài hạn trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, căn cứ vào tính trọng yếu, thông tin về khoản nợ vay phát sinh do việc phát hành trái phiếu phải được phản ánh trên một chỉ tiêu riêng ở BCĐKT. Ngoài ra, việc phát hành trái phiếu có thể theo giá danh nghĩa, giá vượt trội hoặc giá chiết khấu. Việc phát hành theo các loại giá này phát sinh từ sự khác biệt giữa lãi suất hiện hành trên thị trường và lãi suất danh nghĩa trên trái phiếu, làm xuất hiện phần vượt trội hoặc chiết khấu của trái phiếu. Như vậy giá trị hiện tại của trái phiếu sẽ khác với giá trị danh nghĩa, chênh lệch giữa giá trị danh nghĩa và giá trị hiện tại của trái phiếu là phần chiết khấu hoặc phần tăng

thêm. Nếu trái phiếu được bán thấp hơn giá trị danh nghĩa, chúng được bán với giá chiết khấu, tỷ lệ lãi thực cao hơn tỷ lệ công bố trên trái phiếu, nếu trái phiếu được bán cao hơn giá trị danh nghĩa, chúng được bán với giá gia tăng, tỷ lệ lãi thực thấp hơn tỷ lệ công bố trên trái phiếu.

Do đó, bên cạnh việc trình bày thông tin về nợ vay dài hạn phát sinh do phát hành trái phiếu, cần phản ánh phần phụ trội trái phiếu hoặc chiết khấu trái phiếu để điều chỉnh giảm hoặc tăng giá trị danh nghĩa của trái phiếu nhằm phản ánh giá trị hiện tại của khoản vay này.

Vì vậy cần tách nội dung này thành một chỉ tiêu riêng ở phần Nguồn vốn-Loại A-Nợ phải trả-Mục II Nợ dài hạn chỉ tiêu: Nợ vay do phát hành trái phiếu và trong thuyết minh cần quy định rõ: mệnh giá trái phiếu, phụ trội trái phiếu, chiết khấu trái phiếu (ghi âm).

*Thứ ba*, trong công ty cổ phần khi hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, tùy vào mục đích của công ty trong từng giai đoạn, lợi nhuận sau khi trả cổ tức cho cổ đông, phân phối các quỹ còn được giữ lại một phần để thanh toán nợ hoặc mở rộng sản xuất, tạo ra những nguồn vốn thích hợp cho những cơ hội tăng trưởng nội tại và bên ngoài công ty. Như vậy Lợi nhuận giữ lại cũng là một bộ phận của nguồn vốn chủ sở hữu của công ty.

#### Tài liệu tham khảo

Bộ Tài chính (2006), *Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006*, Về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, mẫu số B01-DN, BCĐKT;  
Nguyễn Minh Phương và Nguyễn Thị Đông (2007), *Giáo trình Kế toán quốc tế*, Nxb Thống kê.

#### Discussion on the Balance sheet in the financial statements of Vietnamese enterprises

*Abstract:*

*Balance sheet is an important source of information for assessing overall financial position, the ability of using capitals and economic and financial outlook of enterprises. It is necessary for making economic decisions on the side of financial statement users. Therefore, in order to have accurate assessment of financial position, the criteria system in balance sheet must be presented generally, sufficiently and accurately. The criteria system of the balance sheet issued by the Ministry of Finance in Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated 15th October, 2006 is applied to all kinds of businesses, basically built on the international accounting principles and standards. However, there still have been many problems existed. This paper is to systemize the basic contents of the balance sheet under international accounting standards, America standards, European standards and Vietnam standards. The paper also points out some unsuitability existed in the balance sheet standard of Vietnam and gives some recommendations for improvements.*

#### Thông tin tác giả

\***Phạm Đức Bình**, Tiến sĩ kinh tế

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Hải Dương

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán-Kiểm toán

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Thanh tra; Tạp chí Kiểm toán; Tạp chí Ngân hàng; Tạp chí Kế toán;

- Thông tin liên lạc: Địa chỉ email: phamducbinhhien@yahoo.com.vn;

Tuy nhiên trong BCĐKT phần Nguồn vốn-Loại B-Vốn chủ sở hữu chưa thể hiện nội dung này. Do vậy nhằm phản ánh tình hình Lợi nhuận giữ lại sử dụng cho mục đích riêng của công ty, cần bổ sung chỉ tiêu Lợi nhuận giữ lại. Chỉ tiêu được đặt ở phần Nguồn vốn-Loại B- Nguồn vốn chủ sở hữu sau chỉ tiêu cổ phiếu quỹ.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu này đã hệ thống một số nội dung cơ bản của BCĐKT theo chuẩn mực kế toán quốc tế, Hoa Kỳ, Tây Âu và Việt Nam, qua đó đã đánh giá những vấn đề chưa thật sự phù hợp trong BCĐKT của Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Trên cơ sở luận giải những nội dung chưa thật sự phù hợp trong BCĐKT theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, mẫu số B01-DN, tác giả đề xuất bổ sung một số chỉ tiêu trong BCĐKT để BCĐKT được hoàn thiện hơn. Nghiên cứu này hy vọng góp phần hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu trong BCĐKT của doanh nghiệp nhằm đáp ứng được mục tiêu: đảm bảo các thông tin trên BCĐKT vừa tuân thủ pháp luật, vừa mang tính trung thực; từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho đối tượng sử dụng báo cáo tài chính. □